TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HOÁ
TỈNH QUẢNG TRỊ
Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Quynh;

Bà Hoàng Thị Lan.

-Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đợi - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Hữu B, sinh năm 1975; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1974; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 16/97 đường L, Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Cao Hữu B trình bày: Anh Cao Hữu B và chị Trần Thị N đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ tại thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa ở làm ăn sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp, vợ chồng không thể sống chung với nhau nên chị N đã về thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị ở với người con riêng của chị N từ khoảng đầu năm 2016 và từ đó đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể tiếp tục, mỗi người đều đã không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau, không còn hạnh phúc nên anh B yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh B được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh Cao Hữu B và chị Trần Thị N không có con chung.

Về tài sản chung: Anh Cao Hữu B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/9/2018, bị đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về tình cảm: Anh Cao Hữu B và chị Trần Thị N tự nguyên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Vào năm 2016 thì chị N và anh B chuyển về sinh sống tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân do anh B ngoại tình, nên từ khoảng giữa năm 2017 anh B không còn sống chung với chị N nữa. Do đó chị N về ở với người con gái của chị N tại Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị từ đó đến nay. Nay anh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị N không đồng ý mà mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Cao Hữu B không có con chung.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:

Thẩm phán thụ lý vụ án đã tiến hành đầy đủ các bước theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự như: Lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách đương sự, xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Cao Hữu B được ly hôn chị Trần Thị N.

Về con chung: Anh Cao Hữu B và chị Trần Thị N không có con chung.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí : Buộc anh Cao Hữu B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Cao Hữu B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn chị Trần Thị N đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 20/9/2018 và 26/9/2018 nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Trần Thị N nhưng tại phiên tòa ngày 13/11/2018 chị N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa và Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho chị N. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thị N vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án quyết định xét xử

vắng mặt bị đơn chị Trần Thị N theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Hữu B và chị Trần Thị N kết hôn với nhau là tự nguyện, đăng ký kết hôn đúng pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Qua lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của chị N tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/9/2018 và kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa (bút lục số 24 – 27) thì từ tháng 2 năm 2017 đến nay anh Cao Hữu B và chị Trần Thị N không còn chung sống với nhau. Chị Trần Thị N đang ở với con gái của chị N là chị Hoàng Ngọc Sương tại Khu phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Còn anh Cao Hữu B làm công việc lái xe khách đường dài, khi về thì anh Cao Hữu B lên nhà mẹ của anh B ở Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị ở lại. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/9/2018, chị N cho rằng anh B ngoại tình nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, chị N mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Chị N đã biết được việc anh B yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị N nhưng chị N đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tiến hành, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đến nay khoảng hơn một năm anh B và chị N không chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B xử cho anh B được ly hôn chị N.

[3]Về con chung: Vợ chồng anh Cao Hữu B và chị Trần Thị N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm nên buộc anh B phải chịu án phí ly hôn là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Cao Hữu B.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Hữu B được ly hôn chị Trần Thị N.

Về án phí: Anh Cao Hữu B phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Cao Hữu B đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2014/0007141 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hoá, Quảng Trị (Anh Cao Hữu B đã nộp đủ án phí).

2. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/11/2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- THADS huyện Hướng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Huy